

Bản án số: **200/2022/HS-ST**
Ngày 30/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn TTH

Các hội thẩm nhân dân: Ông nvb và bà HTH

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị TT - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bg.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bg tham gia phiên tòa: Bà DMH - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bg, tỉnh Bg mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 197/2022/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **PDC**, sinh năm 2000

Nơi cư trú: Thôn Y, xã TX, huyện TT, thành phố HN

Nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông PVC, sinh năm 1959 và bà NTT, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 27/8/2022 đến ngày 01/9/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. *(Có mặt)*

2. Họ và tên: **VMT**, sinh năm 1999

Nơi cư trú: Số nhà xx, tổ X, phường NT, thành phố DBP, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam; con ông VLT, sinh năm 1971 và bà LTH, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 27/8/2022 đến ngày 01/9/2022 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. *(Có mặt)*

****Bị hại:*** Anh TVL, sinh năm 1988 *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Số nhà xx2, đường LT, tổ dân phố PM 1, phường DK, thành phố Bg, tỉnh Bg

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Anh PKM, sinh năm 2000 *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn B, xã PX, huyện TT, thành phố HN

- Bà LTH, sinh năm 1974 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số nhà xx, tổ dân phố số xx, phường NT, thành phố DBP, tỉnh ĐB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: PDC và VMT là bạn học cùng khoa Kinh tế, Trường Đại học Tài nguY và Môi trường HN và cùng thuê phòng trọ ở phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố HN. Khoảng tháng 06/2021, Crủ T lập Fanpage trên mạng xã hội Facebook có tên “Woder Home - Nội thất trẻ em”, nhận thiết kế, lắp đặt nội thất trẻ em tại nhà cho khách có nhu cầu. T đồng ý và sử dụng tài khoản Facebook của T có tên “TV” để thành lập Fanpage trên. T cài đặt thông tin liên hệ trên Fanpage là số điện thoại 0978.135.098 của Chi, địa chỉ tại số 36, TX, TT, HN. Thời gian đầu, Cvà T liên hệ với xưởng sản xuất nội thất Hưng Phượng có địa chỉ tại ngõ Thành Công, đường Ủy ban, xã Hữu Bằng, huyện TT, HN của chị DTP để đặt làm nội thất cho khách hàng. Đến đầu tháng 04/2022, Cvà T kinh doanh bị thua lỗ do có nhiều đơn hàng bị khách hàng hoàn trả và yêu cầu bồi thường vì thiết kế không đúng mẫu hoặc do bị lỗi. Để có tiền ctiêu, Cvà T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền đặt cọc thiết kế, lắp đặt nội thất trẻ em của khách hàng.

Trong thời gian này, anh TVL có nhu cầu thiết kế, lắp đặt nội thất phòng ngủ cho con nên đã lên mạng Facebook tìm kiếm và nhắn tin liên hệ với Fanpage Facebook “Woder Home - Nội thất trẻ em” để đặt hàng. Sau khi nhận được tin nhắn, Cvà T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt của anh L tiền đặt cọc thiết kế, lắp đặt nội thất. Csử dụng tài khoản Zalo cá nhân có tên “Woder Home” đăng ký bằng số điện thoại 0978.xxx.0x8 của Cnhắn tin cho anh L hỏi địa chỉ và hẹn về nhà anh L để đo đạc kích thước phòng ngủ.

Khoảng 08 giờ ngày 10/4/2022, Cgọi điện thoại cho anh L thông báo sẽ về đo đạc để thiết kế nội thất thì anh L đồng ý. T điều khiển mô tô chở Cđến nhà anh L thì gặp anh L đang ở nhà. Cgiới thiệu với anh L tên của mình là VMT. Cvà T là người bên nội thất Woder Home đến đo đạc, tư vấn nội thất phòng ngủ trẻ em cho gia đình. Anh L đưa Cvà T lên phòng trên tầng 2, Cvà T sử dụng thước để đo đạc, tính toán kích thước những đồ vật cần lắp đặt gồm giường tầng, giá sách, bàn học, tủ quần áo, kệ trang trí. Đo đạc xong, Cvà T lấy bản hợp đồng đặt cọc tiền thiết kế lắp đặt nội thất cho anh L xem và yêu cầu đặt cọc 30% của tổng số tiền cphí tổng thiết kế, lắp đặt (khoảng 30.000.000đồng) và yêu cầu chuyển 5.000.000 đồng tiền cọc. Anh L không đồng ý ký hợp đồng đặt cọc số tiền trên mà đề nghị đưa trước tiền cọc là 1.000.000 đồng, sau khi nhận bản thiết kế 3D nếu đồng ý bản thiết kế thì anh L sẽ chuyển nốt số tiền cọc 4.000.000 đồng. Cvà T đồng ý, sau đó đọc cho anh L tài khoản của VMT tại Ngân hàng TMCP Quân Đội số

0393979199999. Anh L đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng từ tài khoản của anh L đến tài khoản ngân hàng của T để đặt cọc. Sau đó, C và T ra về, hứa hẹn sẽ chuyển bản thiết kế 3D cho anh L xem.

Đến ngày 11/4/2022, C liên hệ với bạn là PKM để thuê vẽ bản thiết kế 3D nội thất phòng ngủ của anh L với tiền công là 1.500.000 đồng. Ngày hôm sau, Mạnh gửi cho C bản vẽ thiết kế 3D. Trả cho Mạnh số tiền 1.500.000 đồng (trong đó có 1.000.000 đồng là tiền chiếm đoạt được của anh L, còn 500.000 đồng là tiền của Chi).

Ngày 17/4/2022, C gửi bản vẽ thiết kế 3D và bản “DỰ TOÁN ĐỒ GỖ PHÒNG NGỦ ANH L” cho anh L xem để anh L tin tưởng tiếp tục chuyển tiền đặt cọc. Sau khi nhận được các tài liệu trên, anh L chuyển thêm 4.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng của T. Sau khi nhận được tiền, C và T không liên hệ với bất kỳ xưởng sản xuất hay cửa hàng nội thất nào để làm cho anh L và chiếm đoạt số tiền trên. Anh L đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện nhưng C không nghe máy, chặn zalo và số điện thoại của anh L, còn T xóa trang Fanpage “Woder Home - Nội thất trẻ em” để anh L không thể liên lạc được.

Ngày 29/6/2022, anh L đã làm đơn trình báo. Ngày 27/8/2022, C và T đã đến Công an thành phố Bg đầu thú: C giao nộp 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 gắn sim số 0978135098; T giao nộp 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên VMT và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng gold gắn 01 sim số 0964867616. Đây là điện thoại mà C và T đã sử dụng liên lạc với anh L. Ngày 06/10/2022, anh PKM đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 1.000.000 đồng là tiền công vẽ bản thiết kế 3D nội thất phòng ngủ cho bị cáo Chi.

Cơ quan điều tra cho C và T nhận dạng ảnh anh TVL và cho anh L nhận dạng ảnh của C và T. Kết quả C và T nhận đúng ảnh anh L và xác định đúng là người bị C và T lừa đảo chiếm đoạt tiền. Anh L nhận đúng ảnh C là người đo đạc, thiết kế phòng ngủ cho gia đình anh L và không nhận được ảnh của T.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo PDC và VMT đã khai nhận hành vi phạm tội.

Bản Cáo trạng số 194/CT-VKS ngày 09/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bg đã truy tố bị cáo PDC và VM về tội “Lừa đảo chiếm đoạt” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Các bị cáo không có ý kiến gì về các tài liệu Hội đồng xét xử đã công bố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bg giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo PDC từ 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã tạm giữ (từ ngày 27/8/2022 đến ngày 01/9/2022) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo C còn phải chấp hành từ 07 tháng 12 ngày đến 09 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TX, huyện TT, thành phố HN nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo PDC cho Ủy ban nhân dân xã TX, huyện TT, HN để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo VMT từ 07 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày đã tạm giữ (từ ngày 27/8/2022 đến ngày 01/9/2022), quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo T còn phải chấp hành từ 06 tháng 12 ngày đến 08 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố DBP, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo VMT cho Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố DBP, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ Hình phạt bổ sung: Khấu trừ thu nhập đối với PDC và VMT mỗi bị cáo 500.000 đồng một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự vật chứng như sau:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên VMT cho bị cáo T;

+ Tịch thu, sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 gắn sim số 0978135098 của C và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng gold gắn 01 sim số 0964867616 của T;

+ Trả bị cáo PDC số tiền 1.000.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát, nhất trí với tội danh, khung hình phạt mà Kiểm sát viên đã nêu trong bản luận tội.

Các bị cáo nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đều nhận thức được về việc làm của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận, các bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử cân nhắc cho các bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy, đủ căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại, một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về tội danh, tình tiết định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan toàn diện nội dung vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo PDC và VMT dùng thủ đoạn gian dối là nhận thiết kế, lắp đặt nội thất phòng ngủ trẻ em của anh TVL ở phường Dĩnh Kế, thành phố Bg và yêu cầu đặt cọc tiền để chiếm đoạt. Tháng 4/2022, anh L đã hai lần chuyển tiền đặt cọc cho Cvà T với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Cvà T không thực hiện như cam kết, tắt điện thoại, xóa trang Fanpage để anh L không liên lạc được và đã chiếm đoạt của anh L số tiền 5.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bg truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét các vấn đề:

[4.1] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều vi phạm pháp luật và bị xử lý nghiêm minh nhưng vì ham chơi nhất thời, để đáp ứng nhu cầu ctiêu cá nhân, các bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa chiếm đoạt tài sản của anh L. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây tâm lí hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân và gây mất

trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng hình sự mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa tội phạm chung đối với xã hội.

[4.2] Trong vụ án hai bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc thống nhất từ trước về việc phân công nhiệm vụ cụ thể nên vụ án chỉ mang tính đồng phạm giản đơn. Bị cáo Cgiữ vai trò là người khởi xướng, bị cáo T đồng ý và tích cực giúp sức cho bị cáo Chi.

[4.3] Xét về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng.

[4.4] Xét về tình tiết giảm nhẹ thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường, khắc phục hậu quả; sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú và đều được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho. Do vậy, các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đây là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[4.5] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng; không có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; trước khi phạm tội các bị cáo là sinh viên nhưng đã có ý thức tự đi làm thuê để giúp đỡ gia đình trong sinh hoạt phí ăn học; hành vi phạm tội của các bị cáo là bột phát trong lúc khó khăn nhất thời. Xét thấy, không cần thiết phải cách L các bị cáo khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo cải tạo thành công dân biết tuân thủ pháp luật và đảm bảo sự khoan hồng, tính nhân văn của pháp luật hình sự; các bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bg về việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo.

[5] Trong giai đoạn điều tra bị cáo bị tạm giữ 06 ngày (từ ngày 27/8/2022 đến ngày 01/9/2022) được tính bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ, cần tính trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Về khấu trừ thu nhập: Các bị cáo làm công việc tự do và có mức thu nhập ổn định, trung bình khoảng 3.000.000đồng/tháng nên cần khấu trừ một phần thu

nhập của các bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung công quỹ nhà nước theo khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đã bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bà LTH là mẹ bị cáo T đã bồi thường cho anh L số tiền 5.000.000 đồng, anh L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo C đã hoàn trả cho anh Mạnh số tiền 1.000.000 đồng. Đến nay, không ai có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên VM không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[8.2] Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 gắn sim số 0978135098 của bị cáo Cvà 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng gold gắn 01 sim số 0964867616 của bị cáo T là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

[8.3] Đối với số tiền 1.000.000 đồng thu giữ của bị cáo Clà tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Đối với anh PKM là người đã nhận thiết kế 3D cho các bị cáo nhưng anh Mạnh không biết các bị cáo sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên anh Mạnh không vi phạm pháp luật, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Ngoài ra, cần áp dụng Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuY quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản áp dụng cũng như mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 và khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ điểm a, c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tổ tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt:

1.1. Xử phạt bị cáo PDC **12** (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được khấu trừ 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 27/8/2022 đến ngày 01/9/2022) buộc bị cáo C còn phải chấp hành **11** (*Mười một*) tháng **12** (*Mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Csố tiền 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo PDC cho UBND xã TX, huyện TT, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo C có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.2. Xử phạt bị cáo VMT **10** (*Mười*) tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" được khấu trừ 06 ngày bị tạm giữ (từ ngày 27/8/2022 đến ngày 01/9/2022) buộc bị cáo C còn phải chấp hành **09** (*Chín*) tháng **12** (*Mười hai*) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo T số tiền 500.000đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo VMT cho Ủy ban nhân dân phường NT, thành phố DBP, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo T có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3. Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo được tính từ ngày UBND xã, phường nơi được giao giám sát, giáo dục các bị cáo nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo.

1.4. Trong thời gian cải tạo không giam giữ các bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và các nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về vật chứng:

2.1. Tịch thu tiêu hủy của bị cáo T 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên VMT;

2.2. Tịch thu, sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 gắn sim số 0978135098 của bị cáo PDC và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, vỏ màu vàng gold gắn 01 sim số 0964867616 của bị cáo VMT;

2.3. Trả cho bị cáo PDC số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Các bị cáo PDC và VMT mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bg;
- VKSND tỉnh Bg;
- Công an tỉnh Bg;
- Sở tư pháp tỉnh Bg;
- VKSND thành phố Bg;
- Công an thành phố Bg;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bg;
- Cục THADS thành phố Bg;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- UBND phường, xã nơi cư trú các bị cáo;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn TTH